

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS - ST

Ngày: 31 - 5 - 2019

*V/v Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp
đồng ủy quyền công chứng vô hiệu*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Huy và bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2019/TLST – DS ngày 21 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng ủy quyền công chứng vô hiệu theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Xuân K, sinh năm 1956.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu T, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 553H, phường V, quận B1, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Văn phòng Công chứng T1.

Địa chỉ: Tiểu khu T2, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần T2 - Chức vụ: Trưởng Văn phòng Công chứng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu T, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số 553H, phường V, quận B1, TP Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phan Xuân K trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T là chủ sử dụng và sở hữu hợp pháp đối với thửa đất số 311 tờ bản đồ số 8E-IV-30 diện tích 103.9m² tại địa chỉ số 553H, phường V, quận B1, Thành phố Hà Nội đã được Ủy ban dân dân quận B1, Thành phố Hà Nội cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri số AB724887 ngày 26/12/2005 mang tên ông và bà Nguyễn Thị T, trên đất có ngôi nhà 03 tầng bê tông kiên cố. Ông cùng bà T ở tại nhà đất này liên tục từ năm 1990. Cho đến tháng 8/2018 ông được biết bà T đã chuyển nhượng nhà đất này cho người khác. Đến lúc này ông mới biết ngày 03/3/2017 Văn phòng Công chứng Trần T1 đã công chứng hợp đồng ủy số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017 giữa ông là người ủy quyền và bà T là người được ủy quyền với nội dung:

“ông đồng ý ủy quyền cho bà T được toàn quyền thay mặt và nhân danh ông làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan, làm các thủ tục pháp lý và ký các giấy tờ cần thiết có liên quan đến quyền sử dụng thửa đất số 331 tờ bản đồ số 8E - IV - 30 tại địa chỉ 553 H, phường V, quận B1, TP Hà Nội và quyền sở hữu nhà ở trên đất để thực hiện các việc:

1. Thực hiện việc tất toán khoản vay tại ngân hàng.
2. Được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.
3. Được quản lý, sử dụng đối với quyền sử dụng đất nêu trên.
4. Ký các hợp đồng phát sinh trong quá trình sử dụng quyền sử dụng đất trên.
5. Được toàn quyền chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp, bảo lãnh cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác đối với phần quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của ông nêu trên theo các điều kiện, giá cả do bà T toàn quyền quyết định.

Bà T được ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện các nội dung ủy quyền trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

Trong phạm vi ủy quyền này, bà T được thực hiện các nghĩa vụ tài chính, được lập, ký tất cả các giấy tờ cần thiết và quyết định mọi vấn đề có liên quan mà ông không khiếu nại hay thắc mắc gì.”

Trong khi đó ông chưa bao giờ ủy quyền cho bà T nội dung nào về nhà đất tại thửa số 311 tờ bản đồ số 8E-IV-30 diện tích 103.9m² địa chỉ số 553 H, phường V, quận B1, Thành phố Hà Nội và ông khẳng định chữ viết, chữ ký và dấu vân tay bên ủy quyền tại Hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017 tại Văn phòng Công chứng Trần T1 không phải là của ông. Vì vậy, sau khi phát hiện ra sự việc trên, ông đã làm đơn ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội tố cáo bà T bán nhà đất chiếm đoạt tài sản của ông. Quá trình xác minh giải quyết đơn của ông, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông tại Hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017. Kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội kết luận chữ ký, chữ viết bên ủy quyền tại Hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017 không phải là của ông.

Do Hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017 tại Văn phòng Công chứng Trần T1 giả mạo chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của ông, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017 tại Văn phòng Công chứng Trần T1 vô hiệu do bị lừa dối và trái quy định pháp luật. Ông không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này đối với hậu quả pháp lý do hợp đồng ủy quyền công chứng trên bị vô hiệu.

Ngoài ra, trên cơ sở hợp đồng ủy quyền giả mạo này, bà T đã chuyển nhượng toàn bộ nhà đất trên cho bà Bùi Thị T3, sinh năm 1969; đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 03, ngõ 42, phố L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 721/2017/HĐCN ngày 06/6/2017 tại Văn phòng Công chứng Trần T1. Tuy nhiên ông không đề nghị Tòa án giải quyết đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong vụ án này.

Ngoài các nội dung trên, ông không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa ông Phan Xuân K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phía bị đơn Văn phòng Công chứng Trần T1 do ông Trần T2 là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 03/3/2017 có người đến Văn phòng Công chứng Trần T1 yêu cầu lập, Công chứng hợp đồng ủy quyền đối với thửa đất số 331 tờ bản đồ số 8E - IV - 30 tại địa chỉ số 553 H, phường V, quận B1, Thành phố Hà Nội. Qua kiểm tra giấy tờ tùy thân thể hiện người yêu cầu công chứng là ông Phan Xuân K, sinh năm 1956 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại K, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội và là những người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên. Văn phòng yêu cầu các bên xuất trình bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu, đăng ký kết hôn của ông K, bà T. Qua đối chiếu các giấy tờ này, không phát hiện ra nghi vấn gì về người tên K, T là giả mạo nên Văn phòng Công chứng đã soạn thảo lập hợp đồng ủy quyền theo yêu cầu của các bên, cụ thể nội dung ủy quyền: “Ông K đồng ý ủy quyền cho bà T được toàn quyền thay mặt và nhân danh ông K làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan, làm các thủ tục pháp lý và ký các giấy tờ cần thiết có liên quan đến quyền sử dụng thửa đất số 331 tờ bản đồ số 8E - IV - 30 tại địa chỉ số 553 H, phường V, quận B1, Thành phố Hà Nội và quyền sở hữu nhà ở trên đất để thực hiện các việc:

1. Thực hiện việc tất toán khoản vay tại ngân hàng.
2. Được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.
3. Được quản lý, sử dụng đối với quyền sử dụng đất nêu trên.
4. Ký các hợp đồng phát sinh trong quá trình sử dụng quyền sử dụng đất trên.
5. Được toàn quyền chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp, bảo lãnh cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác đối với phần quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của ông K nêu trên theo các điều kiện, giá cả do bà T toàn quyền quyết định.

Bà T được ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện các nội dung ủy quyền trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

Trong phạm vi ủy quyền này, bà T được thực hiện các nghĩa vụ tài chính, được lập, ký tất cả các giấy tờ cần thiết và quyết định mọi vấn đề có liên quan mà ông K không khiếu nại hay thắc mắc gì.”

Sau khi đọc lại toàn bộ nội dung Hợp đồng ủy quyền, các bên đã đồng ý ký và điểm chỉ vào bản Hợp đồng. Sau đó Công chứng viên của Văn phòng Công chứng T1 là ông Trần T2 (Trưởng Văn phòng) đã Công chứng (Chứng nhận) Hợp đồng ủy quyền này (Số công chứng 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017, quyền số: 01-TP/CC-SCC/HĐGD).

Sau khi công chứng Hợp đồng ủy quyền trên, tháng 8/2018 Văn phòng Công chứng T2 nhận được thông tin trình báo của ông Phan Xuân K có sự giả mạo chữ

ký, điểm chỉ của ông K tại Hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017; Sau đó Văn phòng Công chứng T1 được Công an thành phố Hà Nội thông báo kết quả giám định chữ ký, điểm chỉ của người tên K trong hợp đồng ủy quyền số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017 không phải là của ông Phan Xuân K, sinh năm 1956 HKTT tại K, phường X, quận B, Hà Nội. Đến lúc này Văn phòng Công chứng T1 mới biết có người khác giả mạo ông K cùng với bà T đến Văn phòng công chứng T1 lập và công chứng hợp đồng ủy quyền số 350AX/HĐUQ.

Do sơ xuất, thiếu sót không đối chiếu kỹ giữa người ký, điểm chỉ tại hợp đồng ủy quyền với giấy tờ tùy thân của họ như chứng minh thư nên không phát hiện ra sự giả mạo, lừa dối này, vì vậy Văn phòng Công chứng T1 mới thực hiện việc Công chứng tại hợp đồng ủy quyền.

Nay ông Phan Xuân K khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng ủy quyền Công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017 tại Văn phòng Công chứng T1 vô hiệu, quan điểm của Văn phòng công chứng T1 là đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K.

Văn phòng Công chứng T1 không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này đối với hậu quả pháp lý do hợp đồng ủy quyền công chứng trên bị vô hiệu.

Ngoài ra, trên cơ sở hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ, ngày 06/6/2017 bà Toàn đã chuyển nhượng toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 331 tờ bản đồ số 8E - IV - 30 tại địa chỉ số 553 H, phường V, quận B1, Thành phố Hà Nội cho bà Bùi Thị T3, sinh năm 1969; đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 03, ngõ 42, phố L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 721/2017/HĐCN ngày 06/6/2017 tại Văn phòng Công chứng T1. Song Văn phòng Công chứng T1 không đề nghị Tòa án giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên trong vụ án này.

Ngoài các nội dung trên, Văn phòng Công chứng T1 không có yêu cầu gì khác.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự và Luật công Chứng, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Xuân K; Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng T1 vô hiệu do bị lừa dối; đề nghị không xem xét giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng ủy quyền này bị vô hiệu do các bên không yêu cầu; không xem xét giải quyết đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 721/2017/HĐCN ngày 06/6/2017 tại Văn phòng Công chứng T1 do các bên không yêu cầu.

Ngoài ra đề nghị buộc Văn phòng Công chứng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và Hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017 tại Văn phòng Công chứng T1 cùng trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện dân sự về tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nguyên đơn ông Phan Xuân K có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 52 Luật công chứng năm 2014; do bị đơn là Văn phòng Công chứng T1 có địa chỉ tại tiểu khu P1, thị trấn P, huyện P, TP Hà Nội, vì vậy TAND huyện P thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Mặc dù hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ được xác lập ngày 03/3/2017, song cho đến tháng 8/2018 nguyên đơn ông Phan Xuân K mới biết về hợp đồng này, vì vậy ngày 20/3/2019 ông K khởi kiện ra TAND huyện P là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 132, 154 Bộ luật dân sự.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T vẫn vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng T1 do Công chứng viên Trần T2 (Trưởng văn phòng) chứng nhận, hợp đồng có chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bên ủy quyền “Ông Phan Xuân K” và bên được ủy quyền “Bà Nguyễn Thị T”. Nội dung hợp đồng: “Ông K đồng ý ủy quyền cho bà T được toàn quyền thay mặt và nhân danh ông K làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan, làm các thủ tục pháp lý và ký các giấy tờ cần thiết có liên quan đến quyền sử dụng thửa đất số 331 tờ bản đồ số 8E – IV – 30 tại địa chỉ số 553 H, phường V, quận B1, Thành phố Hà Nội và quyền sở hữu nhà ở trên đất để thực hiện các việc:

1. Thực hiện việc tất toán khoản vay tại ngân hàng.
2. Được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.
3. Được quản lý, sử dụng đối với quyền sử dụng đất nêu trên.
4. Ký các hợp đồng phát sinh trong quá trình sử dụng quyền sử dụng đất trên.
5. Được toàn quyền chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp, bảo lãnh cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác đối với phần quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của ông K nêu trên theo các điều kiện, giá cả do bà T toàn quyền quyết định.

Bà T được ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện các nội dung ủy quyền trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

Trong phạm vi ủy quyền này, bà T được thực hiện các nghĩa vụ tài chính, được lập, ký tất cả các giấy tờ cần thiết và quyết định mọi vấn đề có liên quan mà ông K không khiếu nại hay thắc mắc gì.”

Tuy nhiên, phía nguyên đơn ông Phan Xuân K không công nhận chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của ông tại Hợp đồng ủy quyền này, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trước khi khởi kiện ra Tòa, ông Kiều đã làm đơn ra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội tố cáo bà T bán nhà đất chiếm đoạt tài sản của ông. Quá trình xác minh giải quyết đơn của ông K, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội đã Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông K tại Hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017.

Tại Kết luận giám định số 135/KLGD - PC09 (Đ4) ngày 04/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội, thể hiện:

“1. Mẫu cần giám định: 01 Hợp đồng ủy quyền bên ủy quyền đứng tên Phan Xuân K, bên được ủy quyền đứng tên Nguyễn Thị T, đề ngày 03/3/2017 (Gồm 05 tờ - Ký hiệu A).

2. Mẫu so sánh: 01 bản tường trình đứng tên Phan Xuân K đề ngày 25/9/2018 (Ký hiệu M1); 02 biên bản ghi lời khai Phan Xuân K, 01 bản đề ngày 25/9/2018 (gồm 02 tờ), 01 bản đề ngày 02/10/2018 (Ký hiệu M2, M3).

Kết luận: Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phan Xuân K dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) với chữ ký, chữ viết Phan Xuân K trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M2, M3) không phải là chữ do cùng một người ký và viết ra”.

Mặt khác, quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, phía bị đơn Văn phòng Công chứng T1 do ông Trần T2 làm đại diện theo pháp luật đồng thời cũng là Công chứng viên trực tiếp Công chứng Hợp đồng ủy quyền trên thừa nhận: “Tại thời điểm công chứng do sơ xuất, thiếu sót không đối chiếu kỹ giữa người ký tên tại Hợp đồng với giấy chứng minh thư nhân dân nên đã để xảy ra có người lừa dối, giả mạo ông K ký tên và điểm chỉ dưới mục Bên ủy quyền tại Hợp đồng ủy quyền, song đến nay không biết ai là người đã ký tên và điểm chỉ này”.

Trong khi đó theo điểm a Khoản 2 Điều 7 Luật công chứng năm 2014 quy định “Nghiêm cấm cá nhân, tổ chức giả mạo người yêu cầu công chứng”; các Điều 40, 41 Luật công chứng quy định “Công chứng viên yêu cầu người yêu cầu công chứng xuất trình bản chính các giấy tờ tùy thân để đối chiếu trước khi ghi lời chứng, ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch”; Điều 48 Luật công chứng quy định: “Người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch phải ký vào hợp đồng, giao dịch trước mặt công chứng viên”. Trong khi đó ông K không phải là người viết, ký tên, điểm chỉ tại Hợp đồng ủy quyền trên, vì vậy việc Công chứng Hợp đồng ủy quyền này của Văn phòng công chứng T1 là trái với quy định pháp luật.

Như vậy căn cứ vào kết luận giám định trên cùng trình bày của các bên đương sự và đối chiếu với các quy định pháp luật trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định chữ ký, chữ viết bên ủy quyền tại Hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017 không phải là của ông Phan Xuân K. Vì vậy Hợp đồng ủy quyền này bị lừa dối, trái quy định pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của ông K đề nghị tuyên bố Hợp đồng ủy quyền Công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017 vô hiệu là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về hậu quả pháp lý của Hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017 bị vô hiệu: Do các bên không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này về hậu quả pháp lý của Hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017 bị vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 721/2017/HĐCN ngày 06/6/2017 tại Văn phòng Công chứng T1: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Xuân K được chấp nhận nên ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; phía bị đơn Văn phòng công chứng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 122, 127, 132, 154, 407 Bộ luật dân sự; các Điều 41, 46, 48, 52 Luật Công chứng năm 2014; Khoản 11 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Xuân K, cụ thể:

Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền công chứng số 350AX/HĐUQ ngày 03/3/2017, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng T1 vô hiệu.

2. Về án phí: Văn phòng Công chứng T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Phan Xuân K 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005311 ngày 21/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

